

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 235/2017/HNGĐ-ST.

Ngày: 17/8/2017

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Ngọc Trí**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Lôi Liên Minh**

Bà Thiều Thị Phi Loan

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: **Bà Đinh Trần Ngọc Phương Trang** –
Cán bộ Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP B: **Bà Đặng Thị Thanh Tâm** – Kiểm
sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 662/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2017 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 177/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/6/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 392/2017/QĐST-HNGĐ ngày 26/7/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Bà Ngô Thị T, sinh năm 1987**

Địa chỉ: Tổ A, khu phố B, phường D, TP B, Đồng Nai.

- Bị đơn: **Ông Mai Văn T, sinh năm 1980**

Địa chỉ: Tổ A, khu phố B, phường D, TP B, Đồng Nai.

(Bà T có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Ngô Thị T trình bày:

Bà và ông Mai Văn T xây dựng gia đình với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H2, tỉnh N. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc nhưng thời gian gần đây thì ông, bà mâu thuẫn về tình cảm, tiền bạc và cách nuôi dạy con cái. Vì vậy, bà và ông T thường xuyên cãi vã, dẫn đến xung đột và không tôn trọng lẫn nhau. Từ đầu năm 2016, ông bà đã sống ly thân. Mặc dù cả hai đã nhiều lần hàn gắn nhưng cho đến nay vẫn không có kết quả mà

ngày càng trầm trọng dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, không còn tin tưởng nhau. Nay tình cảm với ông T không còn nên bà xin ly hôn.

Về con chung: Bà và ông Mai Văn T có 02 con chung tên là Mai Ngọc L, sinh ngày 27/6/2006 và cháu Mai Minh N, sinh ngày 09/4/2011. Ly hôn bà không yêu cầu nhận được nuôi dưỡng cháu L và cháu N và cũng không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có.

- Bị đơn ông Mai Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt nên không có lời khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thẩm quyền: Nguyên đơn bà Ngô Thị T yêu cầu xin ly hôn với bị đơn là ông Mai Văn T. Bị đơn ông Mai Văn T đang cư trú tại Tổ A, khu phố B, phường D, TP B, Đồng Nai nên đơn khởi kiện của bà Ngô Thị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP B, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về thủ tục tố tụng: Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập đương sự, thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên hòa giải, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định nhưng ông Mai Văn T vắng mặt không lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị T và ông Mai Văn T tự nguyện xây dựng gia đình với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân TP B đã triệu tập hợp lệ rất nhiều lần nhưng ông Mai Văn T là bị đơn trong vụ án vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không thể hiện quan điểm của mình đối với yêu cầu của bà T. Do ông T vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải đoàn tụ được. Điều này thể hiện ông T cũng không còn quan tâm đến hạnh phúc gia đình, không cố gắng khắc phục mâu thuẫn để vợ chồng có thể hàn gắn, đoàn tụ.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng bà T và ông T là có thật, cả hai đều

không tìm cách hàn gắn quan hệ vợ chồng, không quan tâm đến nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận đơn xin ly hôn của bà T, cho bà T được ly hôn ông T là phù hợp.

Về con chung: Bà và ông T có 02 con chung tên là cháu Mai Ngọc L, sinh ngày 27/6/2006 và cháu Mai Minh N, sinh ngày 09/4/2011. Ly hôn bà giao cháu L và cháu N cho ông T nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông T nhưng ông không đến làm việc nên ông T không có ý kiến đối với việc nuôi con chung và hiện nay cháu L và cháu N đang do ông T nuôi dưỡng. Vì vậy, giao cháu L và cháu N cho ông T nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, tạm thời bà T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Bà T được quyền đi lại thăm nuôi con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của trẻ khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Do bị đơn vắng mặt chưa có lời khai về tài sản chung và nợ chung nên tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

Án phí HNGĐ sơ thẩm bà T phải chịu 300.000đ, trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí bà T đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố B theo biên lai thu số 008743 ngày 03/4/2017

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP B:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định.

Trong vụ án này, các đương sự được xác định đúng tư cách pháp lý của đương sự, đảm bảo việc thu thập chứng cứ, việc cấp tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho đương sự và chuyển hồ sơ cho VKSND cùng cấp nghiên cứu đúng thời gian quy định. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Ngô Thị T là có căn cứ, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn. Về con chung giao cháu L và cháu N cho ông T nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, tạm thời bà T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: do bị đơn vắng mặt chưa có lời khai về tài sản chung và nợ chung nên tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 203, Điều 220, Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 51, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

- Chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Ngô Thị T, bà Ngô Thị T được ly hôn ông Mai Văn T.

- Về con chung: Giao cháu Mai Ngọc L, sinh ngày 27/6/2006 và cháu Mai Minh N, sinh ngày 09/4/2011 cho ông T nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, tạm thời bà T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Bà T được quyền đi lại thăm nuôi con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của trẻ khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

Án phí HNGĐ sơ thẩm bà T phải chịu 300.000đ, trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí bà T đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố B theo biên lai thu số 008743 ngày 03/4/2017

Bà T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án và ông T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết bản án hoặc kể từ ngày nhận được bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

-TAND tỉnh (2)

-VKS (2)

-THA Dân sự (1)

-Lưu (5)

-Đương sự (2)

(đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Trí